TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 01/02/2024
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Sơn.

2. Ông Trần Tấn Kiệt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2023/TLST-DS, ngày 01/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Bùi Thanh P**, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Tổ 8, khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Vợ chồng bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1972 và ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm: 1970. Cùng địa chỉ: Tổ 6, khu phố Ba Hòn, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Ông P, bà N, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Bùi Thanh P trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 09/7/2022, tôi có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T

vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), để làm tin đảm bảo cho hợp đồng vay tiền nên tôi có cùng vợ chồng bà N, ông T lập giấy tay sang nhượng đất ghi ngày 09/7/2022, mặt sau của tờ giấy ghi cam kết trong thời gian 03 tháng từ ngày 18/7/2022 đến ngày 18/10/2022 vợ chồng bà N, ông T sẽ trả hết số nợ trên và số tiền lãi phát sinh cho tôi. Nếu không thực hiện được như cam kết thì vợ chồng ông bà đồng ý sang nhượng nhà và đất như trong hợp đồng cho tôi.

Nhưng đến nay vợ chồng bà N, ông T vẫn chưa thực hiện thanh toán số tiền như cam kết mà còn cố tình lánh mặt không chịu trả nợ. Vì vậy tôi khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N, ông T phải trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tiền gốc và số tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 09/7/2022 cho đến khi trả hết nợ vay. Không đồng ý lấy nhà và đất của bà N, ông T, chỉ yêu cầu trả tiền.

- Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vợ chồng bà N, ông T thừa nhận có vay của ông P số tiền 1.000.000.000 đồng như ông P kiện là đúng. Khi lập hợp đồng vay tiền thì giữa vợ chồng bà N, ông T và ông P có thống nhất ghi là hợp đồng bán nhà nhưng thực tế đây là tiền nợ vay.

Bà N, ông T cam kết trả mỗi tháng 20.000.000đ cho đến khi hết nợ vay, xin ông P bỏ phần lãi suất. Trường hợp ông, bà bán được nhà thì sẽ trả một lần hết số nợ còn lại cho ông P. Đối với số tiền lãi thì trước đây vợ chồng bà N, ông T đã đóng cho ông P được nhiều lần (không nhớ rõ số tiền cụ thể), tuy nhiên đối với số tiền lãi thì bà N, ông T không yêu cầu tính lại hay cấn T vào số tiền gốc đã vay của ông P.

Tại phiên tòa, ông P không đồng ý cho bà N, ông T trả dần mà yêu cầu trả một lần hết số nợ trên, không yêu cầu tính lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N, ông T phải trả số tiền nợ cho ông P. Buộc bà N, ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Do ông P xin rút lại yêu cầu tính lãi nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại tổ 6, khu phố Ba Hòn, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh P được chấp nhận bởi lẽ bị đơn bà N, ông T đều thừa nhận có vay và còn nợ nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng như nguyên đơn khởi kiện là đúng.

Nay do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà xin trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, trường hợp bán được nhà thì sẽ trả cho ông P một lần hết nợ nhưng ông P không đồng ý, yêu cầu ông, bà phải trả một lần hết nợ, không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu của bà N, ông T xin trả dần hoặc bán được nhà thì sẽ trả một lần hết nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà N, ông T là không có cơ sở xem xét do phía nguyên đơn không đồng ý và Bộ luật Dân sự cũng không quy định về trả dần khi các bên đương sự không có thỏa thuận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà N, ông T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên trả lại số tiền án phí tạm nộp cho ông P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 357, 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông Bùi Thanh P số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của ông Bùi Thanh P.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền án phí là 42.000.000 đồng.

- Trả lại cho ông Bùi Thanh P số tiền án phí tạm nộp là 25.000.000 đồng theo biên lai số 0001762 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Quyền kháng cáo: Ông P, bà N, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeän Kieân Löông;
- Chi cục THADS huyện Kieân Löông;
- Nhöõng ngöôøi TGTT;
- Löu taäp aùn, hoà sô;

TM. HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAÅM
THAÅM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN TOØA

Nguyễn Văn Pho